

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ F Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1989;

HKTT: Tổ I Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông Nguyễn L đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam X. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 09/5/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại tổ I Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, thường hay cãi vã dẫn đến bất đồng quan điểm, xung đột, không hòa hợp, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng đi vào bế tắc và không có lối thoát. Nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh T1, sinh ngày 01/12/2017. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2023, bị đơn ông Nguyễn L trình bày: Ông L và bà T kết hôn năm 2016 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 2018 hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý và không có ý kiến gì khác. Về con chung: Ông L và bà T có một người con chung, bà T yêu cầu được nuôi con thì ông L đồng ý; về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà T và ông L.

Tại phiên tòa:

Bà T và ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T; về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung Nguyễn Ngọc Ánh T1, sinh ngày 01/12/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Lâm Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn L nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông L có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bà T và ông L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân:* Bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 09/5/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại tổ I Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo bà T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, thường hay cãi vã dẫn đến bất đồng quan điểm, xung đột, không hòa hợp, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng đi vào bế tắc và không có lối thoát. Nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, không còn tình cảm với nhau nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Tại bản tự khai ngày 21/4/2023, bị đơn ông Nguyễn L trình bày: Ông L và bà T kết hôn năm 2016 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 2018 hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý và không có ý kiến gì khác.

Từ trình bày của nguyên đơn và bị đơn cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình

cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà T và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh T1, sinh ngày 01/12/2017. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Từ khi ông L đi thi hành án năm 2020 thì cháu T1 ở với mẹ, được mẹ trực tiếp chăm sóc; tại bản tự khai của ông L ngày 21/4/2023 thì ông L đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, nên HĐXX giao con chung Nguyễn Ngọc Á Tiên cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Bà T và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lâm Thị Ngọc T ly hôn ông Nguyễn Lành .

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Ánh T1, sinh ngày 01/12/2017 cho bà Lâm Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009473, ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND TT Long Hải;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị Bình